

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH LÂM ĐỒNG **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HS-PT

Ngày: 10-02-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Hoài

Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Huy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Đào, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 158/2019/TLPT-HS ngày 13-12-2019 đối với bị cáo Bùi Văn H, do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thái thị Thu H đối với bản án hình sự sơ thẩm số 42/2019/HS-ST ngày 24-7-2019 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

*** Bị cáo bị kháng cáo:**

Họ và tên: **Bùi Văn H**, sinh năm 1963 tại tỉnh Nam Định. Nơi ĐKNKTT và cư trú: Số 176/1 đường NVC, xã LT, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Nghề nghiệp: Công chức. Trình độ học vấn: 12/12 (*Chuyên môn: Cử nhân Luật*). Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Bùi Văn Đ (*Liệt sỹ năm 1967*), con bà Hoàng Thị L (*đã chết*), vợ Trịnh Thị Kh, sinh năm 1968; có 02 con, con lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2000; hiện đều cư trú tại số 176/1 đường NVC, xã LT, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

*** Người tham gia tố tụng khác có kháng cáo:**

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Thái thị Thu H, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Số 86B NVT, phường 2, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26-6-2018, bà Thái thị Thu H có đơn tố cáo đến Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (*Sau đây viết tắt VKSNDTC*) cho rằng bị cáo Bùi Văn H, chức vụ Chi cục trưởng, Chi cục Thi hành án dân sự (*Sau đây viết tắt Chi cục THADS*) huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng câu kết với một số Luật sư để chạy án, cố tình kéo dài việc thi hành án và có hành vi nhận hối lộ trong quá trình tổ chức thi hành án. Do vậy, Cơ quan điều tra, VKSNDTC đã thụ lý giải quyết tố giác, kết quả điều tra xác định như sau:

Theo Quyết định số 83/2012/QĐST-DS ngày 16-8-2012 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (*Sau đây viết tắt QĐ số 83/2012/QĐST-DS*) về công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn bà Thái thị Thu H; bị đơn bà Nguyễn Thị Nhiên; theo đó “*Bị đơn bà Nhiên có trách nhiệm giao toàn bộ tài sản nhà, đất đã chuyển nhượng cho bà H*”.

Ngày 20-8-2012, bà H đến Chi cục THADS huyện Bảo Lâm nộp đơn yêu cầu thi hành QĐ số 83/2012/QĐST-DS, bị cáo H mời bà H vào phòng làm việc và tiếp nhận đơn, lấy số điện thoại di động số 0972.503.779 của bà H ghi vào góc bên phải của đơn yêu cầu thi hành án, đồng thời cho bà H số điện thoại của bị cáo H để liên lạc.

Theo bị cáo H khai nhận sau khoảng 2-3 ngày nhận đơn, bà H chủ động điện thoại xin số tài khoản của bị cáo H để “*Gửi tiền bồi dưỡng nhằm mục đích thi hành án nhanh*”, còn bà H cho rằng bị cáo H chủ động gọi điện và “*Yêu cầu bà H chuyển số tiền 10.000.000đ để anh em đổ xăng xe giải quyết nhanh vụ việc*”, mặc dù đã đổi chất, tiến hành thu giữ khai thác mạng nhưng do thời gian đã quá lâu, không còn lưu trữ dữ liệu trên hệ thống, nên không có căn cứ để xác định bị cáo H có hành vi đòi bà H đưa tiền.

Do không nhớ số tài khoản của mình, bị cáo H đã gặp bà Nguyễn Thị Thạch, là Kế toán của Chi cục THADS huyện Bảo Lâm để hỏi số tài khoản của mình, sau đó nhắn tin cho bà H số tài khoản và dặn bà H khi chuyển tiền thì sẽ để tên người khác.

Ngày 24-8-2012, bà H đến Agribank, chi nhánh thành phố Đà Lạt nộp “*Số tiền 10.000.000đ chuyển vào tài khoản số 5495215010120 tên chủ tài khoản Bùi Văn H*”, ghi tên người nhận là Bùi Văn H, địa chỉ “*69A Hai bà Trưng*”, ký tên người nộp là Trần Thị Tài (*chị dâu của bà H*) tại mục người nộp tiền. Sau khi nộp tiền xong, bà H điện thoại cho bị cáo H và thông báo đã nộp số tiền 10.000.000đ vào tài khoản của bị cáo H. Về phía bà Tài xác định không quen biết và không nộp tiền vào tài khoản của bị cáo H, chữ ký trên giấy nộp tiền không phải của bà Tài. Do vậy, tại Kết luận giám định số 880/C09(Đ2) ngày 22-11-2018 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận “*Chữ viết, chữ ký trên giấy nộp tiền này là của bà H, không phải chữ ký và chữ viết của bà Tài*”.

Sau khi bà H điện thoại nói “*Tiền đã được chuyển vào tài khoản*”, bị cáo H đã nhờ ông Phạm Như Sơn, cán bộ Chi cục THADS huyện Bảo Lâm đi rút số tiền 10.000.000đ trong tài khoản của mình. Theo tài liệu xác minh tại Agribank, chi nhánh Bảo Lâm, thể hiện “*Ngày 27-8-2012, tài khoản số*

549521010120 rút tiền mặt 2.000.000đ; ngày 05-9-2012 rút tiền mặt 8.000.000đ”, bị cáo H khai số tiền này được sử dụng chi phí về quê thăm mẹ bị ốm. Ngoài ra, từ khi mở thẻ ATM bị cáo không biết sử dụng, chỉ nhờ nhiều người rút hộ như chị Đào Thị Tuyên, văn thư; chị Trần Thị Ngọc, kế toán, anh Nguyễn Hữu Đại, chấp hành viên và những người này chỉ biết nguồn gốc tiền trong tài khoản của bị cáo H là tiền lương.

Sau khi nhận được số tiền 10.000.000đ, bị cáo H khai có nói lại với ông Đỗ Đình Nga, Chấp hành viên Chi cục THADS huyện Bảo Lâm về nội dung “*Bà H chuyển số tiền 10.000.000đ, bị cáo H đã trực tiếp chỉ đạo ông Nga giải quyết nhanh vụ việc thi hành án cho bà H*”. Ông Nga chỉ thừa nhận bị cáo H có bút phê vào đơn của đương sự để chỉ đạo ông Nga giải quyết vụ việc theo đúng qui định của pháp luật. Hồ sơ thi hành án thể hiện bút phê của bị cáo H trên góc đơn yêu cầu thi hành án “*Văn phòng vào sổ nhận đơn, chuyển địa bàn đồng chí Nga giải quyết dứt điểm và báo cáo lãnh đạo*”, nên không có căn cứ xem xét trách nhiệm đối với ông Nga.

Về vật chứng: Ngày 07-11-2018, bị cáo H đã tự nguyện giao nộp số tiền 10.000.000đ cho Cơ quan điều tra; hiện đã được chuyển và lưu giữ trong tài khoản của Chi cục THADS huyện Bảo Lâm.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 42/2019/HS-ST ngày 24-7-2019 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng đã tuyên bố bị cáo Bùi Văn H phạm tội “*Nhận hối lộ*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 354; điểm b, s, x khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (*sau đây gọi chung Bộ luật hình sự năm 2015*).

Xử phạt bị cáo Bùi Văn H 24 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 48 tháng tính từ ngày tuyên án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu số tiền 10.000.000đ sung công quỹ nhà nước (*hiện đang được lưu giữ tài khoản của Chi cục THADS huyện Bảo Lâm*).

Ngoài ra, bản án còn tuyên nghĩa vụ chấp hành phạt tù cho hưởng án treo, giải quyết về án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 06-8-2019, người liên quan bà H kháng cáo về xử lý vật chứng, đề nghị được nhận số tiền 10.000.000đ. Ngoài ra, bà H còn kháng cáo cho rằng khi bà tố cáo và Cơ quan điều tra làm việc, bị cáo H không thừa nhận thì không thể áp dụng thành khẩn khai báo; yêu cầu bị cáo H hoàn trả 10.000.000 từ khoản tiền đưa cho Luật sư Phương và theo Luật sư Phương khai đưa cho bị cáo H. Ngoài ra, bị cáo H cho nhận tiền của 25 người khác nhưng chưa được xử lý.

Tại phiên tòa phúc thẩm; Bị cáo khai nhận thực hiện hành vi như bản án sơ thẩm, không thắc mắc khiếu nại bản án sơ thẩm. Ngoài ra, bị cáo không kháng cáo, không bị kháng nghị.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Tòa án xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng cho rằng bà H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo liên quan về số tiền 10.000.000đ cấp sơ thẩm tuyên tịch thu sung quỹ, các nội dung khác bà H không có quyền kháng cáo. Đối với số tiền 10.000.000đ cấp sơ thẩm tuyên tịch thu sung quỹ là đúng quy định pháp luật, nên đề nghị căn cứ điểm khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bà H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Bùi Văn H lợi dụng chức vụ quyền hạn “tổ chức thi hành bản án, Quyết định QĐ số 83/2012/QĐST-DS có hiệu lực pháp luật về nghĩa vụ “*Bị đơn bà Nhiên có trách nhiệm giao toàn bộ tài sản nhà, đất đã chuyển nhượng cho bà H*”, nên bị cáo H đã thực hiện hành vi cung cấp số tài khoản của mình để bà H chuyển số tiền 10.000.000đ vào tài khoản của mình nhằm thi hành Quyết định theo đơn yêu cầu thi hành án của bà H. Đối chiếu lời khai của bị cáo, lời khai của bà H, các tài liệu khác như giấy nộp tiền vào tài khoản, kết luận giám định; Cấp sơ thẩm đánh giá toàn diện chứng cứ, đã tuyên bố bị cáo Bùi Văn H phạm tội “*Nhận hối lộ*” là có căn cứ.

Hành vi “*Nhận hối lộ*” bị cáo thực hiện tháng 8-2012 được áp dụng quy định khoản 1 Điều 279 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (*Sau đây gọi chung Bộ luật hình sự năm 1999*). Tuy nhiên, so sánh giữa khoản 1 Điều 354 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định số tiền nhận hối lộ cấu thành tội phạm cơ bản “*Từ 2.000.000 đến dưới 100.000.000đ*” với khoản 1 Điều 279 của Bộ luật hình sự năm 1999 quy định số tiền nhận hối lộ cấu thành tội phạm cơ bản “*Từ 2.000.000 đến dưới 10.000.000đ*”. Đáng lẽ cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội và áp dụng khoản 1 Điều 289 của Bộ luật hình sự năm 1999; áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 354 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo mới đúng. Do vậy, cần sửa bản án sơ thẩm về áp dụng pháp luật là phù hợp.

[2] Xét kháng cáo của bà H, đối chiếu với tài liệu chứng cứ thể hiện:

- Bà H tham gia tố tụng với tư cách “*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*” không có quyền kháng cáo liên quan đến áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, kháng cáo liên quan đến hành vi bà H cho rằng “*Bị cáo H có nhận tiền của 25 người khác*” không bị điều tra, truy tố, xét xử.

- Đối với kháng cáo liên quan đến số tiền 20.000.000đ là khoản tiền bà H đưa cho Luật sư Phương và theo Luật sư Phương cho biết đã đưa cho bị cáo H 10.000.000đ. Tuy nhiên, theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa bà H và Luật sư

Phương (bút lục 339-340) thể hiện số tiền là 70.938.000đ; đưa trước số tiền 20.000.000đ, nên bà H thực hiện quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định pháp luật.

- Đối với số tiền 10.000.000đ bà H đưa cho bị cáo H thuộc hành vi “*Đưa hối lộ*” quy định Điều 289 của Bộ luật hình năm 1999. Tuy nhiên, bà H không bị ép buộc nhưng sau đó đã chủ động tố cáo, khai báo trước khi phát giác, nên Cơ quan điều tra đề nghị không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà H là phù hợp. Do vậy, căn cứ khoản 6 Điều 289 của Bộ luật hình năm 1999 tương ứng khoản 7 Điều 364 của Bộ luật hình sự năm 2015 thì số tiền 10.000.000đ bà H đưa hối lộ cho bị cáo H được trả lại một phần hoặc toàn bộ. Cấp sơ thẩm chưa áp dụng quy định này, trong khi đó số tiền không lớn, nên chấp nhận kháng cáo của bà H sửa bản án sơ thẩm; trả lại cho bà H số tiền 10.000.000đ.

[3] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo H, bà H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm d khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự; Chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thái thị Thu H, sửa bản án sơ thẩm; Xử:

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Văn H phạm tội “*Nhận hối lộ*”. Áp dụng khoản 1 Điều 279 của Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm b, s, x khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; điểm a khoản 1 Điều 354 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn H 24 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Văn H cho Ủy ban nhân dân xã LT, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án. Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì việc Thi hành án thực hiện theo qui định tại khoản 1 điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 7 Điều 364 của Bộ luật hình sự năm 2015. Trả lại cho bà Thái thị Thu H số tiền 10.000.000đ (*hiện đang được lưu giữ tại Chi cục THADS huyện Bảo Lâm*).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Bùi Văn H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thái thị Thu H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT(I) – TANDTC (01);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (02);
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND huyện Bảo Lâm (04);
- VKSND huyện Bảo Lâm (01);
- CSĐT Công an huyện Bảo Lâm (01);
- THAHS Công an huyện Bảo Lâm (04);
- Bị cáo (01); Người liên quan (02);
- Phòng KTNV&THA (02);
- Lưu hồ sơ (01), Ấn văn (01)/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Kim Đồng